

Bản án số: 90/2020/DS-ST
Ngày: 25/9//2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Hồng
2. Ông Nguyễn Đình Đạt

- Thư ký Pên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia Pên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST-DS ngày 03/2/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXX-ST ngày 24/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Trụ sở: Số 89 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hồng P; Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ

Theo giấy ủy quyền số 2952/2019/UQ-VPB ngày 10/4/2019.

Bị đơn: Ông Hoàng Xuân T sinh năm 1969

Trú tại: Số nhà 85, tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Minh Th sinh năm 1993

Chị Hoàng Phương Tha sinh năm 2002

Cùng trú tại: tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, Tp Hà Nội.

Ông P có mặt. Ông T, anh Th và chị Tha vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 11/5/2019 và lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng– ông Trương Hồng P trình bày: Ông Hoàng Xuân T có 03 ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng VPBank. Cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/07/2014

Ngày 17/7/2014 ông Hoàng Xuân T vay vốn tại VPBank và có Hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/07/2014, theo khế ước nhận nợ số: 142254 ngày 17/7/2015 với khoản vay: 2.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: từ ngày 17/7/2014 đến 17/7/2024. Lãi suất và kỳ hạn điều chỉnh: 5%/ năm được cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh tiếp theo vào ngày 17/1/2015, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2015 và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần biên độ +4,5%/ năm. Phương thức trả nợ: Gốc trả hàng tháng mỗi tháng 16.667.000 đồng trả ngày 17 hàng tháng, lãi trả tùy thuộc vào lãi suất áp dụng từng thời điểm. Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19-1; Tờ bản đồ số 02, diện tích: 75m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất: tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, TP Hà Nội; theo GCN “ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BO 909100 số vào sổ cấp GCN: 2368 do UBND quận Long Biên, TP Hà Nội cấp ngày 03/6/2013, thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Xuân T. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số: 2113/2014; Quyển số: 02-2014 ngày 16/07/2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Sau khi ký hợp đồng ông T trả được 39 tháng (Từ 17/7/2014 đến 17/10/2017) là 650.013.000 đồng tiền gốc. 647.261.646 đồng tiền lãi là và 303.322 đồng tiền phạt. Sau đó ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ và ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 18/11/2017. Đến ngày 18/01/2018 ông T trả tiếp 16.667.000 đồng tiền gốc và từ đó ông T không thanh toán được cho Ngân hàng một đồng nào nữa. Tổng cộng tính đến ngày 18/01/2018 ông T mới trả được tổng cộng là 1.314.224.968 đồng tiền gốc và lãi. Trong đó 666.680.000 đồng tiền gốc; 647.261.646 đồng tiền lãi là và 303.322 đồng tiền phạt.

Tính đến ngày 07/8/2020 ông T còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/07/2014 là 1.333.320.000 đồng tiền gốc; 696.358.775 đồng tiền lãi.(trong đó lãi trong hạn là 15.874.044 đồng và lãi quá hạn là 680.484.431

đồng) và 196.836.133 đồng tiền lãi phạt. Tổng cộng là 2.226.514.908 đồng. Và cũng từ đó ông T không trả được đồng nào nữa.

2. Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1724100859 ngày 24/8/2017 với khoản vay: 200.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất 20%/ năm. Do là vay thấu chi nên lãi suất áp dụng cố định không thay đổi. Phương thức trả nợ: Gốc lãi trả hàng tháng mỗi tháng trả 3.401.595 đồng tiền gốc và lãi theo hợp đồng trên dư nợ giảm dần trả vào ngày 15 hàng tháng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi ký hợp đồng ông T đã trả được 02 tháng (tháng 9 và 10/2017) tiền gốc là 5.451.439 đồng lãi là 5.169.227 đồng và cũng từ đó ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 16/11/2017. Ngày 18/01/2018 ông T trả thêm được 1.939.305 đồng tiền gốc; 2.293.279 đồng tiền lãi và 87.145 đồng tiền phạt. Tổng cộng tính đến ngày 18/01/2018 ông T mới trả được 7.354.744 đồng. lãi là 7.549.651 đồng tiền lãi và 87.145 đồng tiền lãi phạt. Và cũng từ đó ông T không trả được đồng nào nữa.

Tính đến ngày 07/8/2020 ông T còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LD1724100859 ngày 29/8/2017 là 192.645.256 đồng tiền gốc; 161.124.812 đồng tiền lãi.(trong đó lãi trong hạn là 1.055.320 đồng và lãi quá hạn là 160.069.492 đồng) và 72.927.992 đồng tiền lãi phạt. Tổng cộng là 426.698.059 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số 119-P-68588 ngày 30/5/2017 số tiền vay 165.000.000 đồng. Đây là hợp đồng thẻ tín dụng hạn mức. Theo thỏa thuận ông T được quyền sử dụng số tiền tối đa theo hạn mức và trong vòng 1 tháng kể từ ngày ông T rút tiền ông T nộp trả lại thì sẽ không phải chịu lãi đối với số tiền đã rút còn nếu ông T không nộp đúng trong hạn thì sẽ phải chịu lãi đối với số tiền đã rút. Lãi suất trong hạn 24%. Sau 01 tháng không hoàn lại tiền thì bắt đầu tính lãi quá hạn. Lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Sau khi ký hợp đồng ngày 21/6/2017 ông T đã rút 100.000.000 đồng nhưng sau đó lại nộp vào ngày 21/7/2017. Quá trình sử dụng thẻ đến ngày 21/5/2019 ông T đã rút 163.999.523 đồng nhưng đến hạn không nộp tiền vào nên ngân hàng đã chuyển quá hạn từ ngày 20/6/2019.

Tính đến ngày 07/8/2020 ông T còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 119-P-68588 ngày 30/5/2017 là 163.999.523 đồng tiền gốc; 89.129.393 đồng tiền lãi quá hạn. Tổng cộng là 253.128.916 đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Xuân T phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 07/08/2020 khoản tiền này là:

- Nợ gốc: 1,689,964,779 đồng
- Nợ lãi : 936,299,436 đồng
- Lãi phạt chậm trả: 264,862,772 đồng

Tổng cộng: 2.906.341.883 đồng

Yêu cầu Tòa tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày ông Hoàng Xuân T thực tế thanh toán hết khoản nợ tại VPBank.

Yêu cầu tòa tuyên trong bản án, VPBank có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản của ông Hoàng Xuân T để thu hồi nợ cho VPBank, tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19-1; Tờ bản đồ số 02, diện tích: 75m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất: tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, TP Hà Nội; theo GCN “ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BO 909100 số vào sổ cấp GCN: 2368 do UBND quận Long Biên, TP Hà Nội cấp ngày 03/6/2013, thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Xuân T. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số: 2113/2014; Quyền số: 02-2014 ngày 16/07/2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Bị đơn ông Hoàng Xuân T trình bày: Ngày 17/7/2014 tôi vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Thăng Long với số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng. Mục đích vay là mua sắm đồ dùng và thiết bị gia đình. Việc vay được thể hiện tại ký hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/7/2014. Lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất quá hạn, thời hạn trả, trả gốc, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng. Tất cả đều được thể hiện rõ trong hợp đồng và kế ước nhận nợ.

Để bảo đảm khoản vay trên tôi có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là 75m² đất và các công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số 19-1, tờ bản đồ số 02 tại Tổ 2 phường Long Biên, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên tôi. Hợp đồng thế chấp được lập tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô ngày 16/07/2014. Việc thế chấp và đăng ký thế chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng đã giải ngân tôi đã nhận đủ số tiền vay trên.

Quý trình thực hiện hợp đồng tôi thực hiện việc trả lãi và gốc đều đặn đến năm 2017 không nhớ rõ ngày tháng do thấy khả năng trả gốc lãi không đảo đảm nên tôi tiếp tục làm đơn vay của Ngân hàng 200.000.000 đồng nữa mục đích là để thanh toán nợ gốc lãi hàng tháng cho hợp đồng tín dụng trước đó. Ngân hàng có cho tôi vay 200.000.000 đồng thể hiện tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ số CN/VN0010119/201708 ngày 24/8/2017. Tôi cũng đã nhận đủ số tiền này. Số tiền này tôi sử dụng để thanh toán gốc lãi hàng tháng của hợp đồng trước, nhưng tôi chỉ thanh toán đầy đủ được một thời gian sau đó thì vì phạm nghĩa vụ không trả được một đồng nào nữa. Nguyên nhân là do làm ăn thua lỗ bạn bè lừa nên không còn tiền để trả nợ. Tính đến năm 2017 tôi mới trả được gần 700.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi hàng tháng đến năm 2017 của hợp đồng tín

dụng có tài sản đảm bảo còn toàn bộ nợ gốc và lãi của hợp đồng tín chấp năm 2017 tôi không trả được một đồng tiền gốc và lãi nào.

Ngày 30/5/2017 tôi có ký tiếp hợp đồng thẻ thấu chi với số tiền vay 164.000.000 đồng. Sau khi đăng ký sử dụng thẻ tín dụng số 119-P-685881 tôi cũng nhiều lần sử dụng số tiền trong thẻ thấu chi. Tôi không nhớ rút ra và trả vào bao nhiêu lần nhưng tính đến nay tôi đã sử dụng hết hạn mức đối với số tiền 164.000.000 đồng nhưng do làm ăn không gặp bị thua lỗ lên không có khả năng hoàn lại.

Nay trước yêu cầu của Ngân hàng, tôi cũng xác định hiện nay còn nợ Ngân hàng theo hai hợp đồng vay tiền và 01 hợp đồng thẻ thấu chi với số tiền 165.000.000 đồng cả gốc và lãi đúng như Ngân hàng yêu cầu. Nguyên vọng của tôi là mong muốn Ngân hàng cho trả tiền gốc còn lãi cho tôi xin vì hiện nay tôi cũng đang rất khó khăn, Số tiền nợ gốc tôi sẽ thu xếp bán nhà để trả ngày sau khi bán được nhà tôi sẽ thanh toán.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Minh Th và chị Hoàng Phương Tha không đến Tòa do vậy không có lời khai.

Tại Pên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần tiền lãi phạt chậm trả. Đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Xuân T có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 09/9/2020 là: 2.665.944.899 đồng. Trong đó: nợ gốc là: 1.689.964.779 đồng, nợ lãi là: 975.980.128 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi ngày 10/9/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu không đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp.

Ông T, anh Th và chị Tha vắng mặt nên không có lời khai tại tòa.

Tại Pên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật còn bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành không tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại Pên tòa xác định: Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến nợ quá hạn, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ là có căn cứ và cần chấp nhận. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông T phải thanh toán tiền gốc và lãi tính đến ngày 09 tháng 9 năm 2020 là 2.665.944.907 đồng trong đó: nợ gốc: 1.689.964.779 đồng và 975.980.128 đồng tiền lãi và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu không đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp. Yêu cầu tiếp tục tính lãi.

Chấp nhận yêu cầu rút tiền phạt chậm trả của Ngân hàng. Đình chỉ yêu cầu lãi phạt chậm trả của Ngân hàng là 288.033.015 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại Pên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

* Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Hoàng Xuân T HKTT và nơi ở tại phường Long Biên, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 3, điều 26, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 04/2017 ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật.

Ông Hoàng Xuân T là bị đơn. Anh Hoàng Minh Th và chị Hoàng Phương Tha hiện đang ở trên nhà đất thế chấp là đương sự trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

* Về nội dung:

Xét đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 17/7/2014 ông Hoàng Xuân T vay vốn tại VPBank và có Hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/07/2014, theo khế ước nhận nợ số: 142254 ngày 17/7/2015 với khoản vay: 2.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: từ ngày 17/7/2014 đến 17/7/2024. Lãi suất và kỳ hạn điều chỉnh: 5%/ năm được cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh tiếp theo vào ngày 17/1/2015, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2015 và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần biên độ +4,5%/ năm. Phương thức trả nợ: Gốc trả hàng tháng mỗi tháng 16.667.000 đồng trả ngày 17 hàng tháng, lãi trả tùy thuộc vào lãi suất áp dụng từng thời điểm. Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19-1; Tờ bản đồ số 02, diện tích: 75m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất: tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, TP Hà Nội; theo GCN “ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BO 909100 số vào sổ cấp GCN: 2368 do UBND quận Long Biên, TP Hà Nội cấp ngày 03/6/2013, thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Xuân T. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số: 2113/2014; Quyền số: 02-2014 ngày 16/07/2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Việc thế chấp tài sản nói trên đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng trình tự pháp luật quy định.

Ngày 29/8/2017 ông Hoàng Xuân T vay vốn tại VPBank tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1724100859 với khoản vay: 200.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất 20%/ năm. Do là vay thấu chi nên lãi suất áp dụng cố định không thay đổi. Phương thức trả nợ: Gốc lãi trả hàng tháng mỗi tháng trả 3.401.595 đồng tiền gốc và lãi theo hợp đồng trên dư nợ giảm dần trả vào ngày 15 hàng tháng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 30/5/2017 ông T có ký hợp đồng thế tín dụng hạn mức số 119-P-68588 ngày 30/5/2017 số tiền vay 164.000.000 đồng. Theo thỏa thuận ông T được quyền sử dụng số tiền tối đa theo hạn mức và trong vòng 1 tháng kể từ ngày ông T rút tiền ông T nộp trả lại thì sẽ không phải chịu lãi đối với số tiền đã rút còn nếu ông T không nộp đúng trong hạn thì sẽ phải chịu lãi đối với số tiền đã rút. Lãi suất trong hạn 33%. Sau 01 tháng không hoàn lại tiền thì bắt đầu tính lãi quá hạn. Lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Sau khi ký hợp đồng ngày 21/6/2017 ông T đã rút 100.000.000 đồng nhưng sau đó lại nộp vào ngày 21/7/2017. Quá trình sử dụng thẻ đến ngày 21/5/2019 ông T đã rút 163.999.523 đồng nhưng đến hạn không nộp tiền vào nên ngân hàng đã chuyển quá hạn từ ngày 20/6/2019.

Về nợ gốc: Ngân hàng trình bày ông T mới trả được 1.319.676.407 đồng nợ gốc và hiện còn nợ lại là: 1,689,964,779 đồng tiền gốc. Phía bị đơn thừa nhận lời khai của nguyên đơn là đúng. Như vậy có đủ cơ sở buộc ông Hoàng Xuân T phải trả Ngân hàng 1,689,964,779 đồng tiền gốc.

Về lãi suất: Phía nguyên đơn trình bày đối với Hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/7/2014 ông T mới trả được 647.261.646 đồng tiền lãi và ngân hàng chuyển nợ quá hạn từ ngày 18/12/2017; Đối với hợp đồng tín dụng số LD124100859 ngày 24/8/2017 ông T mới trả được 5.169.227 đồng tiền lãi. Ngân hàng chuyển nợ quá hạn từ ngày 16/11/2017; Đối với hợp đồng tín dụng 119-P-68588 ngày 30/5/2017 ngân hàng chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/6/2019. Ngân hàng yêu cầu ông T phía trả lãi đối với các hợp đồng tính đến ngày 09/9/2020 tổng cộng là: 975.980.128 đồng tiền lãi. Rút yêu cầu phạt chậm trả là 288.033.015 đồng. HĐXX thấy: Tính đến ngày 18/12/2017 ông T mới trả được được 666.680.000 đồng tiền gốc còn nợ lại 1.333.320.000 đồng tiền gốc và cũng là ngày chuyển nợ quá hạn đối với Hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/7/2014; Tính ngày 16/11/2017 ông T mới trả được 7.54.744 đồng tiền gốc còn nợ lại 192.645.256 đồng tiền gốc và cũng là ngày chuyển nợ quá hạn đối với hợp đồng tín dụng số LD124100859 ngày 24/8/2017 và ngày 20/6/2019 là ngày chuyển nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng 119-P-68588 ngày 30/5/2017. Tính đến ngày chuyển nợ quá hạn của hai hợp đồng số tiền lãi trong hạn ông T còn phải trả là:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/7/2014 là: 44.238.771 đồng và hợp đồng tín dụng số LD124100859 ngày 24/8/2017 là 4.298.396 đồng.

Điều c khoản 4, khoản Điều 13 thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng quy định:

4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Như vậy đối với lãi quá hạn:

- Ngày 18/12/2017 là thời điểm chuyển nợ quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/7/2014, lãi suất các bên thỏa thuận là: Lãi suất và kỳ hạn điều chỉnh: 5%/ năm được cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh tiếp theo vào ngày 17/1/2015, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2015 và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần biên độ +4,5%/ năm. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Theo quyết định số 846/2017/QĐ-TGD ngày 26/7/2017 quy định lãi suất của VPBank do nguyên đơn cung cấp là 7,9%/năm + 4,5%/năm biên độ tối thiểu = 12,4%/năm. Đây chính là mức lãi suất áp dụng trong hạn của hợp đồng. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn là 18.66%/năm.

- Ngày 16/11/2017 là thời điểm chuyển nợ quá hạn đối với hợp đồng tín dụng số LD124100859 ngày 24/8/2017. Lãi suất các bên Thỏa thuận là 20%/ năm lãi suất áp dụng cố định không thay đổi. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

- Ngày 20/6/2019 là thời điểm chuyển nợ quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 119-P-68588 ngày 30/5/2017. Lãi suất trong hạn 24%. Lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Phía ngân hàng yêu cầu tính lãi quá hạn và có kèm theo bảng kê tính lãi chi tiết, cụ thể rõ ràng tuy chưa phù hợp với quy định của pháp luật nhưng lãi suất chênh không đáng kể, phía bị đơn cũng thừa nhận phần tính lãi của ngân hàng nên được chấp nhận toàn bộ.

Xét Hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/07/2014; Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1724100859 ngày 29/8/2017 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 119-P-68588 ngày 30/5/2017 giữa VPBank với ông Hoàng Xuân T được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Lãi suất cho vay đã được các bên thỏa thuận, nguyên đơn đã cung cấp bản kê thanh toán gốc và lãi của bị đơn đã đủ căn cứ khẳng định toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên là đúng. Ngoài ra hợp đồng tín dụng và các kế ước nêu trên còn quy định về quyền trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên và nhiều nội dung khác. Hợp đồng tín dụng và kế ước nêu trên có nội dung và các điều khoản quy định cụ thể, rõ ràng.

Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đúng với phạm vi ngành nghề kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ có hiệu lực pháp luật và các bên buộc phải thực hiện. Và đây cũng là căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và một phần tiền lãi quá hạn.

Về tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng tín dụng.

Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp thể hiện: Tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện cho tòa bộ nghĩa vụ-bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, bồi thường....và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác của bên thế chấp đối với bên ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng....ký kết giữa bên Ngân hàng và bên thế chấp trong khoảng thời gian từ ngày 16/7/2014 đến ngày 16/7/2019. Như vậy mặc dù tài thời điểm ông T ký Hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/07/2014 và ký hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/07/2014. Nhưng sau đó ông T có ký tiếp 02 hợp đồng tín dụng nữa là Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1724100859 ngày 29/8/2017 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 119-P-68588 ngày 30/5/2017. Cả hai hợp đồng này đều được ký trong thời hạn thể hiện tại Điều 2 nêu trên. Do đó tài sản thế chấp này được bảo đảm cho cả khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1724100859 ngày 29/8/2017 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 119-P-68588 ngày 30/5/2017.

Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai nơi có tài sản thế chấp. Như vậy hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn đã được đăng ký theo đúng quy định của pháp luật, các bên phải thực hiện. Do đó trong trường hợp ông Hoàng Xuân T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26; Ngân hàng phải chịu án phí đối với số tiền lãi quá hạn do không được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 147, điều 227, điều 235, điều 264, điều 266, điều 271, điều 273, điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 342, 343, 361, 369, 471, 474, của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 12 Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Khoản 3 Điều 90, khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Án lệ số 11/2017/AL; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng

12 năm 2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 sửa đổi một số điều của nghị định số 163; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

2. Đình chỉ yêu cầu thanh toán tiền lãi phạt chậm trả của Ngân hàng là 288.033.015 đồng.

3. Xác nhận: Tính đến ngày 09/9/2020 ông Hoàng Xuân T còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền là: 2.665.944.907 đồng trong đó: nợ gốc: 1.689.964.779 đồng và 975.980.128 đồng tiền lãi (trong đó lãi trong hạn là 48.537.167 đồng và lãi quá hạn là 927.442.961 đồng) tại các Hợp đồng tín dụng số 1482254 ngày 17/07/2014; Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1724100859 ngày 29/8/2017 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 119-P-68588 ngày 30/5/2017.

4. Buộc ông Hoàng Xuân T phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ khoản nợ trên. Kể từ ngày 10/9/2020, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp Buộc ông Hoàng Xuân T không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19-1; Tờ bản đồ số 02, diện tích: 75m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất: tổ 2, phường Long Biên, quận Long Biên, TP Hà Nội; theo GCN “Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BO 909100 số vào sổ cấp GCN: 2368 do UBND quận Long Biên, TP Hà Nội cấp ngày 03/6/2013, thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Xuân T. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số: 2113/2014; Quyển số: 02-2014 ngày 16/07/2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Hoàng Xuân T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử

lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Hoàng Xuân T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

5. Về án phí: Ông Hoàng Xuân T phải chịu 65.318.890 đồng tiền án phí DSST sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng 37.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018 ngày 14/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Tr-ờng hợp bản án đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi gửi:

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- Lưu TA

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Nga